

Số: 73/2024/QĐST-HNGĐ

Ngày 26/8/2024

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc hôn nhân và gia đình gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Hải Bằng

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp:
Bà Phạm Thị Thuý – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 414/2024/TLST-HNGĐ ngày 06/8/2024 về Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình số 443/2024/QĐMPH-HNGĐ ngày 19/8/2024 gồm những người tham gia tố tụng sau:

1. Người yêu cầu:

- Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1993; địa chỉ đăng ký thường trú: Thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương; hiện ở: Thôn Q, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Anh **Nguyễn Duy H**, sinh năm 1992; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương; hiện ở: Nhật Bản.

Người được chị T, anh H uỷ quyền giao nhận văn bản: Chị **Vũ Thị C**, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Trần Doãn T1**, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn Q, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình, giấy uỷ quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bản tự khai cùng các tài liệu trong hồ sơ vụ án, các đương sự trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương vào năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp về tính cách, quan điểm sống, cách quản lý chi tiêu, kinh tế gia đình, vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Năm 2017 chị T đi Đài Loan, năm 2020 anh H đi Nhật Bản lao động, vợ chồng ít khi liên lạc, tình cảm lạnh nhạt, không còn quan tâm đến nhau. Đến nay chị T và anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc N sinh ngày 17/11/2014, hiện đang ở cùng chị T và ông bà ngoại là ông Trần Doãn T1 và bà Nguyễn Thị M tại thôn Q, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương. Chị T và anh H thoả thuận chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành; vợ chồng tự thoả thuận về chi phí cấp dưỡng. Chị T trình bày thời gian tới sẽ đi Đài Loan tiếp tục lao động nên uỷ quyền cho bố mẹ đẻ là ông T1, bà M chăm sóc cháu N trong thời gian chị T không ở Việt Nam.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về lệ phí: Chị T và anh H thống nhất chị T chịu toàn bộ lệ phí.

- Chị T và anh H đều đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt; uỷ quyền cho chị Vũ Thị C giao nhận văn bản với Toà án, chị C đồng ý thực hiện đúng nội dung uỷ quyền cho chị T và anh H.

Tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Doãn T1 trình bày: Ông là bố đẻ chị T. Anh H và chị T có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc N sinh ngày 17/11/2014, hiện ở với ông T1. Nếu chị T và anh H ly hôn và chị T được giao quyền nuôi con thì ông T1 đồng ý thay chị T chăm sóc cháu N khi chị T không ở Việt Nam. Ông T1 đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên họp:

- Các đương sự đều vắng mặt.

- Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Về việc tuân theo pháp luật, từ khi thụ lý đến phiên họp, Thẩm phán, Thư ký phiên họp, người tham gia tố tụng cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết việc hôn nhân và gia đình, đề nghị Thẩm phán áp dụng quy định của pháp

luật, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Duy H; công nhận sự thoả thuận giữa chị T và anh H về việc giao con chung Nguyễn Thị Ngọc N sinh ngày 17/11/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; chấp nhận yêu cầu của chị T tạm giao cháu N cho ông T1 chăm sóc thay trong thời gian chị T không ở Việt Nam; công nhận sự thoả thuận của chị T và anh H về việc không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung; chị T chịu cả lệ phí giải quyết việc (đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị T và anh H yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn. Chị T đăng ký thường trú tại tỉnh Hải Dương, anh H hiện ở nước ngoài. Do đó căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết việc hôn nhân và gia đình là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về tính hợp pháp của văn bản: Các văn bản của anh H ở nước ngoài lập bằng tiếng Việt, có xác nhận của Đ tại Nhật Bản nên công nhận các văn bản này theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 478 BLTTDS.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên họp, các đương sự đều vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 367 BLTTDS, Toà án tiến hành phiên họp giải quyết vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống, cách quản lý chi tiêu, kinh tế gia đình, vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Năm 2017 chị T đi Đài Loan, năm 2020 anh H đi Nhật Bản, vợ chồng ít khi liên lạc, tình cảm lạnh nhạt, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy chị T và anh H ly thân đã lâu, mâu thuẫn trầm trọng, không ai quan tâm đến nai, mục đích hôn nhân không đạt được và hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh chị theo Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc N sinh ngày 17/11/2014, hiện đang ở cùng chị T và ông bà ngoại là ông Trần Doãn T1 và bà Nguyễn Thị M tại thôn Q, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Chị T và anh H thoả thuận chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng. Xét thấy nội dung các đương sự thoả thuận là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của con chung, con chung cũng có nguyện vọng được ở với mẹ nên có căn cứ chấp nhận. Chị T uỷ quyền cho ông T1 thay chị chăm sóc cháu N trong thời gian chị không ở Việt Nam thì ông T1 đồng ý nên có căn cứ chấp nhận đề nghị này của chị T.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H thống nhất không yêu cầu nên cần chấp nhận.

[5] Về lệ phí: Chị T và anh H thống nhất chị T chịu cả lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm h khoản 2 Điều 39, điểm c khoản 2 Điều 478, khoản 2 Điều 367, Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Duy H.

2. Về con chung: Công nhận sự thoả thuận giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Duy H về việc giao con chung Nguyễn Thị Ngọc N sinh ngày 17/11/2014 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Chấp nhận đề nghị của chị T, tạm giao cháu N cho ông Trần Doãn T1 chăm sóc thay trong thời gian chị T không ở Việt Nam.

Anh Nguyễn Duy H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Công nhận sự thoả thuận giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Duy H về việc không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung.

4. Về lệ phí: Công nhận sự thoả thuận giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Duy H về việc chị Trần Thị T chịu cả 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đối trừ với 300.000đ tiền tạm ứng chị Vũ Thị C đã nộp thay tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương ngày 06/8/2024 theo biên lai ký hiệu BLTU/23, số 0005061; chị T đã nộp đủ.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã N, huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, TDS.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(đã ký)

Nguyễn Hải Bằng